

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số:15/2018/HS-ST

Ngày 07 -02-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1990 tại Hà Nam. Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí T và bà Bùi Thị T; chồng: Mai Mạnh H, có 02 con lớn sinh năm 2013 nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bị hại:Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1960. Trú tại: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt có lý do.

2. Anh Hoàng Xuân L, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn G, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1986. Trú tại: Thôn V, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h25' ngày 24/11/2017 Nguyễn Thị V điều khiển xe máy BKS 90B1-049.15 từ nhà đến Công ty TNHH D tại khu công nghiệp C thuộc phường C, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam để làm việc. Khi đến công ty, V để xe ở sân

gần xe máy BKS 90H9-0906 của chị Phạm Thị Q là người làm cùng công ty với V, V nhìn thấy yên xe máy của chị Q bị kênh lên phía dưới có chiếc ví bị hở để lộ ra ngoài, V nảy sinh ý định lấy trộm nên quan sát xung quanh không thấy người liền dùng tay nâng yên lên (yên xe không khóa) và lấy chiếc ví cho vào túi đựng đồ cá nhân của mình đi vào xưởng của công ty làm việc. V kiểm tra ví có 2.600.000đ và lấy tiền cất vào túi quần của mình sau đó ném chiếc ví vào thùng đựng đồ chung của công nhân. V dùng số tiền lấy được mua 01 đôi giày và mua thức ăn hết 154.000đ, số tiền còn lại 2.446.000đ. Đến khoảng 17h30' cùng ngày chị Q ra xe máy để lấy xe đi về thì phát hiện bị mất ví tiền nên đã trình báo Công an phường Châu Sơn, sau đó Công an phường Châu Sơn đã chuyển lên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý để giải quyết theo thẩm quyền. Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu của Nguyễn Thị V số tiền 2.446.000đ; 01 xe máy BKS 90B1-049.15; 01 ví giả da màu nâu; 01 thẻ ATM mang tên Phạm Thị Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Grand 2 màu trắng đã qua sử dụng; 01 đôi giày vải màu đen; 01 theo ATM mang tên Nguyễn Thị V.

- Thu của Phạm Thị Q 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 90H9-0906.

Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT ngày 16 tháng 01 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề xuất HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt đối với bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung, đồng thời đề xuất hướng xử lý vật chứng.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17h30' ngày 24/11/2017 tại Công ty TNHH D thuộc khu công nghiệp C, thành phố P, Nguyễn Thị V đã lợi dụng sơ hở lén lút lấy 2.600.000đ của chị Phạm Thị Q. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị V là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa bàn. Điều này gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc bảo quản tài sản của người dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, táo tợn, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trục lợi cho bản thân.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả (bồi thường cho chị Q số tiền 154.000đ) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét nhân thân thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện, điều này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn, hối cải.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Q đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có đề nghị gì đối với bị cáo nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Grand 2 màu trắng, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị V, 01 đôi giày vải màu đen không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 ví giả da đã cũ hỏng thu giữ của chị Q không còn giá trị sử dụng, nay chị Q không có ý kiến gì nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về các tình tiết khác của vụ án:

Đối với số tiền 2.446.000đ và 01 thẻ ATM mang tên Phạm Thị Q là tài sản hợp pháp của chị Q, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại cho chị Q là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc xe máy BKS 90H9-0906 xác định là tài sản của anh Hoàng Xuân L, anh L giao cho vợ là chị Phạm Thị Q sử dụng; chiếc xe máy BKS 90B1-049.15 là tài sản của ông Nguyễn Chí T cho Nguyễn Thị V mượn để đi làm không liên quan đến vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại cho anh L và ông T là đúng quy định nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 41 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thị V cho UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3/ Xử lý vật chứng:

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Grand 2 số Imei 1: 359906057547254/01, số Imei 2: 359907057547252/01; 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị V; 01 đôi giày vải màu đen, viên đế giày màu trắng phần thân giày in chữ Sport.

Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu nâu.

Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/01/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý.

4/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Viện KSND TP Phủ Lý;
- Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Cảnh